

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 570/2025/HC-PT

Ngày 18 tháng 12 năm 2025

V/v “*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Mười

Ông Trần Ngọc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ba Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 145/2025/TLPT-HC ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 10/2025/HC-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2158/2025/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Quốc B, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số A đường T, phường D (nay là phường A), thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971, có mặt và ông Trần Trọng T1, sinh năm 1981, vắng mặt; Cùng địa chỉ liên hệ: Số A khu phố B, phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long).

2. **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, tỉnh Vĩnh Long), có đơn xin vắng mặt.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân phường D (nay là Phường A), thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là Ủy ban nhân dân phường A, tỉnh Vĩnh Long), có đơn xin vắng mặt.

4. **Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Quốc B – Là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Quốc B trình bày:

Ngày 29/02/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính ông Nguyễn Quốc B đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: “Tổ chức thi công xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ lấn chiếm diện tích khu vực công cộng tại hẻm K, phường D, thành phố B). Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền, với mức phạt trung bình là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng)”. Thời gian và biện pháp khắc phục hậu quả: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính ông Nguyễn Quốc B buộc phải phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm.

Ông B cho rằng Chủ tịch UBND thành phố B xử phạt vi phạm hành chính ông là không đúng nội dung, bởi lẽ ông không có hành vi xây dựng lấn chiếm diện tích hẻm công cộng khu phố B, phường D như quyết định đã nêu. Cụ thể: Hẻm K, phường D không phải là hẻm công cộng, đây là con đường nối thẳng vào nhà ở của ông (trong hẻm chỉ có một ngôi nhà của ông, ngoài ra không còn nhà ở nào khác).

Hơn nữa ông B đã mua đất của ông Trần Trung T2 để được sử dụng. Con hẻm này trước kia là đất thuộc quyền sử dụng của ông Trần Trung T2, ngụ tại số A, N, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Để ra vào nhà ông B, ông phải đi nhờ qua đất của ông T2 (đoạn từ hẻm H đến nhà ông, chiều ngang khoảng 1,2m). Khoảng tháng 11/2007, ông T2 rào đường không cho ông đi nhờ. Ông làm đơn yêu cầu UBND phường D hòa giải. Tại biên bản làm việc ngày 10/12/2007 tại UBND phường D, hai bên thống nhất hòa giải ghi nhận nội dung: “Ông T2 cắt một phần đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T2 làm đường đi công cộng, tính từ tường nhà ông K ra 1,2m chiều ngang, chiều dài từ hẻm H đến đất ông B”.

Đồng thời, để sử dụng lối đi này, ông B phải trả cho ông T2 số tiền 25.000.000 đồng để sử dụng vĩnh viễn lối đi này (hai bên có lập giấy mua bán viết tay ngày 30/4/2007), nhưng do là lối đi vào nhà nên ông chưa đăng ký kê khai nhập vào thửa đất của ông. Đến năm 2012, ông T2 bán phần đất còn lại cho ông 7 Đoàn Khoa và ký Biên bản giao phần đất đã bán cho ông B cho UBND phường 4 tách làm đất giao thông mà không cho ông B biết.

Đến năm 2023, ông B xây nhà và sửa lối đi này thành lối thoát hiểm để tiện lợi cho sinh hoạt của gia đình ông vì cứ nghĩ rằng ông đã bỏ tiền ra mua đất từ ông T2 nên ông được quyền sử dụng. Tuy nhiên, UBND phường D cho rằng: ông B xây dựng lấn chiếm hẻm công cộng (hẻm K, phường D) nên Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 740/QĐ-XPHC ngày 29/02/2024 xử phạt ông B 45.000.000 đồng và buộc phá dỡ công trình vi phạm.

Xét thấy, Quyết định số: 740/QĐ-XPHC ngày 29/02/2024 của UBND thành phố B là không đúng thực tế sử dụng đất vì con hẻm mà UBND thành phố cho rằng là lối đi công cộng là lối đi duy nhất vào nhà ông từ xưa đến nay, không có nhà ai khác. Năm 2007, khi ông T2 rào đường, ông B làm đơn yêu cầu UBND phường D giải quyết và ông T2 đã thỏa thuận bán lối đi này cho ông B với giá 25.000.000 đồng, ông T2 đã nhận tiền xong. Đến năm 2012, Ông T2 bán toàn bộ đất cho ông 7 Đoàn Khoa và tự ý giao lối đi này cho UBND phường D làm lối đi công cộng là không đúng thực tế sử dụng đất. Việc UBND phường D tự tách lối đi này thành đất

giao thông là không đúng quy định pháp luật, làm thiệt hại quyền lợi của ông. Dẫn đến sự việc UBND thành phố B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm ông cũng là trái pháp luật.

Do đó, ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số: 740/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch UBND thành phố B ban hành ngày 29/02/2024.

- Tại Văn bản số: 4070/UBND-QLĐT ngày 18/11/2024 người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B có ý kiến:

Ngày 04/01/2024, UBND phường D kiểm tra phát hiện ông Nguyễn Quốc B thi công xây dựng trên phần đất công cộng, UBND phường 4 tiến hành kiểm tra, lập biên bản yêu cầu ông Nguyễn Quốc B tháo dỡ công trình hoàn trả lại mặt bằng do UBND phường D quản lý, thời gian thực hiện đến ngày 08/01/2024 hoàn thành, ông Nguyễn Quốc B đồng ý ngừng thi công.

Tuy nhiên, đến ngày 01/02/2024 UBND phường D kiểm tra, phát hiện ông Nguyễn Quốc B vẫn tiếp tục thi công trên phần đất công cộng. Do đó, UBND phường D đã lập biên bản vi phạm hành chính với hành vi xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ lấn chiếm diện tích khu vực công cộng được quy định tại điểm a, khoản 10, Điều 16 Nghị định số: 16/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Ngày 29/02/2024, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 740/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Quốc B về hành vi xây dựng nêu trên, với hình thức phạt chính là phạt tiền, với số tiền 45.000.000 đồng và biện pháp khắc phục hậu quả là trong thời gian 10 ngày kể từ khi nhận được Quyết định xử phạt ông Nguyễn Quốc B phải tự phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm.

Ngày 03/4/2024, Chủ tịch UBND thành phố B tiếp xúc ông Nguyễn Quốc B và yêu cầu ông B tiếp tục thực hiện nghiêm theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính của UBND thành phố. Ngày 03/4/2024, phòng Q ban hành Công văn số: 313/QLĐT-KTXD về việc nhắc nhở ông B thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng đến nay ông B vẫn chưa thực hiện quyết định.

Đối với ý kiến của người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 740/QĐ-XPHC ngày 29/02/2024 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Quốc B:

Về thẩm quyền ban hành: Việc Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 740/QĐ-XPHC ngày 29/02/2024 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Điều 79 Nghị định số: 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng.

Về nội dung: Ông Nguyễn Quốc B xây dựng nhà ở riêng lẻ trên phần đất công cộng do nhà nước quản lý là không đúng quy định, nên căn cứ quy định tại điểm a, khoản 10, Điều 16 Nghị định 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng. Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 740/QĐ-XPHC ngày 29/02/2024 là đúng với quy định của pháp luật.

Về trình tự, thủ tục: Việc xử lý vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Quốc B được Chủ tịch UBND thành phố thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định. Về hình thức, thời hạn, thời hiệu đúng quy định.

Người bị kiện nhận thấy việc ông Nguyễn Quốc B yêu cầu hủy Quyết định số 740/QĐ-XPHC ngày 29/02/2024 của Chủ tịch UBND thành phố B là không có cơ sở.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường D (nay là phường A), thành phố B có bà Nguyễn Thị Kim H đại diện trình bày:

Theo Quyết định số 740/QĐ-XPHC ngày 29/02/2024 về việc xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND thành phố B là đúng quy định của pháp luật. Do đó, UBND phường 4 không đồng ý hủy Quyết định số: 740/QĐ-XPHC ngày 29/02/2024 về việc xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND thành phố B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 10/2025/HC-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long) đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điểm a, b khoản 1 Điều 28; điểm đ khoản 2 Điều 38; Điều 57, Điều 58, Điều 66, Điều 68, Điều 70 và Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi bổ sung năm 2020; khoản 4 Điều 4, điểm a, khoản 10 Điều 16, Điều 72, Điều 79 Nghị định số: 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ; Điều 6 Nghị định số: 31/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc B về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 740/QĐ-XPHC ngày 29/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B đối với ông Nguyễn Quốc B.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Quốc B phải chịu 366.000 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Ông B đã nộp đủ chi phí tố tụng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/6/2025, người khởi kiện ông Nguyễn Quốc B kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 740/QĐ-XPHC ngày 29/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B đối với ông Nguyễn Quốc B, công nhận toàn bộ diện tích lối đi 27,6m² đất cho ông B được trọn quyền sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quốc B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo bản án sơ thẩm về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số

740/QĐ-XPHC ngày 29/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B đối với ông Nguyễn Quốc B.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, tỉnh Vĩnh Long có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Người khởi kiện ông Nguyễn Quốc B kháng cáo trong hạn luật định nên đủ điều kiện xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Xét thấy bản án hành chính sơ thẩm xem xét giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Quốc B là có căn cứ. Do đó, đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Quốc B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Quốc B làm trong thời hạn luật định, hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, tỉnh Vĩnh Long có văn bản xin xét xử vắng mặt. Nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Ông Nguyễn Quốc B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 740/QĐ-XPHC ngày 29/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B đối với ông Nguyễn Quốc B.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét tính hợp pháp của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

[3.1] Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 740/QĐ-XPHC ngày 29/02/2024 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Điều 79 Nghị định số: 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng.

[3.2] Ngày 04/01/2024, UBND phường D, thành phố B kiểm tra công trình xây dựng của ông Nguyễn Quốc B trên phần đất công cộng, diện tích xây dựng khoảng 14m x 1,2m, kết cấu: Cột bê tông, cốt thép (đổ bê tông hoàn chỉnh). Đang lắp dựng thép dầm và cospha bê tông sàn. UBND phường D yêu cầu ông B tháo dỡ công trình, hoàn trả mặt bằng do UBND phường D quản lý. Ông B đồng ý tạm dừng xây dựng công trình và đề nghị UBND phường làm rõ phần đất này là lối đi riêng hay đất công cộng.

Ngày 01/02/2024, UBND phường D, thành phố B tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC về trật tự xây dựng đối với ông Nguyễn Quốc B có các hành vi vi phạm: Xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ lấn chiếm diện tích hẻm C, khu phố B, phường D, thành phố B xây dựng bê tông cốt thép, vách tường, đổ sàn bê tông, trên hẻm cạnh thửa số 113 (3) phường 4, theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 16 Nghị định số: 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng.

Tại biên bản xác minh ngày 20/02/2024 (Bút lục 71-73), Phòng quản lý đô thị UBND thành phố B đã lập biên bản xác minh xác định: Theo biên bản làm việc ngày 10/12/2007, phần đất mà ông B thực hiện hành vi vi phạm là đất của ông T2 đã hiến thành đường công cộng giáp với thửa đất số 116 (03). Hành vi xây dựng của ông B là hành vi xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ, lấn chiếm diện tích khu vực công cộng (hẻm K phường D) phần đất do ông T2 hiến.

Đến ngày 29/02/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 740/QĐ-XPHC đối với ông Nguyễn Quốc B đã có hành vi vi phạm hành chính tổ chức thi công xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ lấn chiếm diện tích khu vực công cộng (hẻm K, phường D, thành phố B) theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 16 Nghị định số: 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng. Hình thức xử phạt chính là phạt tiền, với số tiền 45.000.000 đồng và biện pháp khắc phục hậu quả là trong thời gian 10 ngày kể từ khi nhận được Quyết định xử phạt ông Nguyễn Quốc B phải tự phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm.

[3.3] Ông B khiếu nại cho rằng ông B xây trên phần đất ông đã chuyển nhượng của ông Trần Trung T2 để được sử dụng làm lối đi và ông B phải trả cho ông T2 số tiền 25.000.000 đồng để sử dụng vĩnh viễn lối đi này, hai bên có lập giấy mua bán viết tay ngày 30/4/2007, nhưng do là lối đi vào nhà nên ông B chưa kê khai đăng ký và kê khai nhập vào thửa đất của ông, nhưng phần đất này không phải là hẻm công cộng, đây là con đường nối thẳng vào nhà ở của ông B, ngoài ra không còn nhà ở của người khác.

Xét thấy tại tờ thỏa thuận ngày 30/4/2007 (bản phô tô) do ông B cung cấp có nội dung về việc ông T2 đồng ý nhượng lại phần đất lấn ranh của tư T3 bán cho Nguyễn Quốc B khoảng 13m² theo bức tường đã xây theo hiện trạng và đã nhận số tiền 25.000.000 đồng (bút lục số 29) và tại sơ đồ đất kèm theo biên bản xác minh (bút lục 73) thể hiện thửa đất 111 của ông B có gắn căn nhà của ông B có giáp phần đất có diện tích 16,0m² không thuộc phần đất công cộng theo biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 01/02/2024 về trật tự xây dựng đối với ông Nguyễn Quốc B có các hành vi vi phạm xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ lấn chiếm diện tích hẻm C, khu phố B, phường D, thành phố B xây dựng bê tông cốt thép, vách tường, đổ sàn bê tông, trên hẻm cạnh thửa số 113 (3) phường D, thành phố B.

Trong hồ sơ vụ án còn có thể hiện: Vào năm 2007 ông Trần Trung T2 có tranh chấp với ông Nguyễn Quốc B về việc lấn chiếm phần không gian đất, được UBND phường 4, thị xã B lập biên bản hòa giải ngày 03/12/2007 (bút lục số 61); đến ngày 10/12/2007 UBND phường D lập biên bản làm việc số 01/BB-UB về việc ông T2 thống nhất cắt một phần đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trục thuộc thửa 116 để làm đường công cộng tính từ tường nhà ông K ra 1,2m

chiều ngang, chiều dài từ hẻm H đến đất ông B, ông B đồng ý ký tên vào biên bản (Bút lục số 63); tại biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất 116 của ông Trần Trung T2 tách đất giao thông với diện tích 27,6m² đất (Bút lục số 59-60). Đến ngày 06/01/2009, UBND phường D lập tờ trình đề nghị công nhận hòa giải thành về việc ông T2 đồng ý cắt một phần đất thuộc thửa 116 do ông T2 đứng tên tách ra làm đường đi công cộng tính từ tường nhà ông K ra 1,2m chiều ngang giáp thửa 110 (3), chiều dài từ hẻm H kéo dọc tường nhà ông K (thửa 110 tờ 3) đến đất ông B (thửa 111 tờ 3) kèm theo biên bản làm việc ngày 10/12/2007.

Do đó, ông B khiếu nại cho rằng ông B xây dựng trên phần đất do ông đã chuyển nhượng của ông Trần Trung T2 để được sử dụng làm lối đi vào nhà ông là chưa có căn cứ để chấp nhận.

Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 740/QĐ-XPHC Ngày 29/02/2024 đối với ông Nguyễn Quốc B do ông B đã có hành vi vi phạm hành chính tổ chức thi công xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ lấn chiếm diện tích khu vực công cộng (hẻm K, phường D, thành phố B) theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 16 Nghị định số: 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc B về yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 740/QĐ-XPHC ngày 29/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Quốc B giữ nguyên kháng cáo, nhưng người khởi kiện không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông B.

Đối với việc ông B yêu cầu công nhận cho ông được quyền sử dụng phần đất đã nhận chuyển nhượng của ông T2 để làm lối đi thì ông có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông B, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm theo Quan điểm đề nghị của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng:

- Ông Nguyễn Quốc B khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định tại Điều 348, 358 Luật tố tụng hành chính năm 2015 và Điều 32 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Ông B kháng cáo không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quốc B.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 10/2025/HC-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long):

Tuyên xử:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc B về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 740/QĐ-XPHC ngày 29/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B đối với ông Nguyễn Quốc B.

2.2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Quốc B phải chịu 366.000 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Ông B đã nộp đủ chi phí tố tụng.

2.3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Quốc B phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0005063 ngày 08/10/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Ông Nguyễn Quốc B đã nộp đủ án phí.

- Ông Nguyễn Quốc B phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm. Được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000029 ngày 10/07/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông Nguyễn Quốc B đã nộp đủ.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**